

Số: *MM9*/BC-SCT

Quảng Trị, ngày *23* tháng 7 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 7 NĂM 2019**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2019 giảm 3,58% so với tháng trước và tăng 11,12% so với tháng cùng kỳ năm trước (đây là tháng có mức tăng trưởng cao nhất so với các tháng từ đầu năm đến nay). Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 4,39%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,15%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 23,15%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,96% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2019 tăng 9,13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng tăng 1,11%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,23%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 22,55%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,02% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Tháng 7/2019, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 37,96%; đá xây dựng tăng 28,41%; quần áo may sẵn tăng 20,25%; gỗ cửa, gỗ xe tăng 18,93%; điện thương phẩm 13,46%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Dăm gỗ tăng 9,51%; phân hóa học tăng 8,72%; xi măng tăng 4,06%; nước máy 3,37%; ván ép tăng 2,99%; quặng inmenit tăng 2,45%; nước hoa quả (tăng lực) tăng 1,98%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Bia lon giảm 49,75%; lốp xe các loại giảm 12,92%; quặng zircon giảm 10,06%; tấm lợp pro xi măng giảm 3,39%; tinh bột sắn giảm 1,02% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Trong tháng, tỉnh Quảng Trị diễn ra nhiều hoạt động kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh Liệt sỹ; với nhiều hoạt động, sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng chào mừng Kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh, 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam nên tình hình kinh doanh thương mại và dịch vụ khá sôi động; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2019 ước đạt 2406,84 tỷ đồng, tăng 2,69% so với tháng trước và tăng 11,33% so với tháng cùng kỳ năm trước<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 2032,67 tỷ đồng, tăng 2,77% so với tháng trước và tăng 11,25% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 273,47 tỷ đồng, tăng 2,51% so với tháng trước và tăng 2,71% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 3,13 tỷ đồng.



Tính từ đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 17.551,95 tỷ đồng, tăng 10,59% so với cùng kỳ năm trước và đạt 58,7% so với kế hoạch năm 2019.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chuẩn bị báo cáo nội dung làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình phát triển ngành Công Thương và chương trình phát triển năng lượng tái tạo; Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019 của ngành và các Ban chỉ đạo do Sở Công Thương làm cơ quan thường trực.

- Hoàn thành và tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với Dự thảo Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp giai đoạn 2020-2025; Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động cụm công nghiệp; Đề xuất UBND tỉnh nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện "Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025"; Tiếp tục triển khai thực hiện công tác khuyến công quốc gia 2019, xây dựng kế hoạch 2020.

- Hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư về khởi công các dự án năng lượng tái tạo và công nghiệp chế biến; Báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện các Dự án Năng lượng chào mừng 30 năm tái lập tỉnh; Tham mưu rà soát tình hình đầu nối và khả năng giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo; Rà soát cập nhật danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất cấp thẩm quyền bố trí vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ; Triển khai giải phóng mặt bằng đảm bảo hành lang an toàn vận hành cấp điện TBA Trảng Sò, xã Triệu Ai, huyện Triệu Phong; Tổ chức Đoàn Kiểm tra giá điện tại Chợ và Trung tâm Thương mại.

- Tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện khí Quảng Trị; Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3; Dự án Tân Hợp 1; Hoàng Văn, VIFA - Hướng Hóa, Hải Anh, Ba Tầng- Hướng Hóa vào Quy hoạch phát triển điện lực. Tổ chức họp bàn bổ sung quy hoạch Dự án Nhà máy điện gió Thăng Long - Hướng Sơn 1 và Hướng Sơn 2, huyện Hướng Hóa; Bổ sung quy hoạch và đầu tư dự án điện mặt trời tại xã Gio Quang và Gio Mai, huyện Gio Linh.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh; Triển khai Kế hoạch cải thiện chỉ số hiệu quả Logistics của Việt Nam. Tổng hợp đánh giá tình hình thực thi Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam – Lào; Đề xuất UBND tỉnh tháo gỡ vướng mắc giao thương qua Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và tuyến quốc lộ 9.

- Xây dựng Kế hoạch về việc khảo sát, lựa chọn sản phẩm để hỗ trợ, kết nối vào các siêu thị, chuỗi bán lẻ; Đề án đưa các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhu cầu kết nối vào các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ hiện đại năm 2019; Cung cấp thông tin về sản phẩm đặc trưng của địa phương để hỗ trợ, kết nối vào hệ thống siêu thị của Central Group Việt Nam.

---

tăng 0,84% so với tháng trước và tăng 10,63% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 97,57 tỷ đồng, tăng 1,79% so với tháng trước và tăng 9,16% so với tháng cùng kỳ năm trước.



- Báo cáo thống kê công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2019; Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2019; Báo cáo Tình hình thi hành pháp luật về trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2019.

- Ban hành Kế hoạch Kiểm tra, rà soát giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài tại Sở Công Thương. Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; Báo cáo trả lời ý kiến cử tri trước kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV.

- Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh; Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP vào làm việc tại cơ quan Sở; Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Sở và hoàn thành hồ sơ trình Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo quy định; Xây dựng tự báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở phục vụ Đoàn kiểm tra, giám sát của BCĐ Quy chế dân chủ cơ sở tỉnh.

- Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chương trình công tác trọng tâm và các Thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương thực hiện; Báo cáo phục vụ Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh duyên hải miền Trung –Tây nguyên và 06 tỉnh Bắc Trung Bộ năm 2019; Tham gia Hội nghị Kỹ thuật an toàn các tỉnh Bắc Trung bộ.

- Đề xuất UBND tỉnh chủ trương đăng cai tổ chức các sự kiện của ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố Khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2020 tại Quảng Trị; Làm việc với Sở Công Thương Lâm Đồng về kết nối giao thương sản phẩm tỉnh; Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục hành chính liên thông; Phối hợp xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử; đề nghị công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp huyện; Tiếp tục cập nhật số hóa các quy trình; các quy trình ISO 9001 tại Sở.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 8 năm 2019**

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chuẩn bị nội dung làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình phát triển ngành Công Thương và Chương trình phát triển năng lượng tái tạo. Đôn đốc thực hiện các nội dung cam kết thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 giữa Lãnh đạo Sở và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; Dự án nhiệt điện Quảng Trị 2; Dự án Nhà máy nhiệt điện khí Quảng Trị và các dự án đầu tư vào Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Hoàn chỉnh, trình thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025. Triển khai thực hiện các đề án khuyến công quốc gia và tỉnh năm 2019; Chỉ đạo rà soát, hướng dẫn lập đề án khuyến công tỉnh đợt 2 năm 2019.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019 và xây dựng kế hoạch ngành công thương năm 2020; Phối hợp với đơn vị đào tạo tổ chức lớp đào tạo Sơ cấp khoan nổ mìn cho các đơn vị sử dụng vật liệu nổ công



nghiệp; Nghiên cứu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ đối với lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh rà soát, phân kỳ quy hoạch các dự án năng lượng tái tạo trình Bộ Công Thương bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực theo yêu cầu của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo. Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư để khởi công - hoàn thành các dự án năng lượng được UBND giao.

- Phối hợp với Viện Năng lượng rà soát, tính toán và đề xuất giải pháp đầu nối, điều chỉnh bổ sung các công trình lưới điện để đảm bảo, khả năng giải phóng công suất các dự án điện năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Triển khai Kế hoạch Giải phóng mặt bằng công trình cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020

- Tiếp tục thực hiện Đề án nhân rộng Điểm trưng bày và giới thiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các điểm du lịch; Xây dựng Đề án hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại đối với cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực của tỉnh năm 2019; Trình ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị (thay thế Quy chế ban hành theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015).

- Triển khai thực hiện Quyết định 126/QĐ-SCT ngày 14/12/2018 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019; Chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn kiểm tra giám sát của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tỉnh năm 2019.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở; Thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2019; Đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

- Khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ cơ quan hành chính 6 tháng cuối năm 2019 của Sở Công Thương; Tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Sở; Xây dựng Kế hoạch triển khai dịch vụ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Sở năm 2019.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 8 năm 2019; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính (b/c);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



**Nguyễn Hữu Hưng**



Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;  
- Bộ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
Tháng 7 và 7 tháng năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	620	764	4349	746	4920	123,26%	102,45%	88,38%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	561	638	3528	709	3621	113,73%	89,94%	97,44%
3	Đá xây dựng	M3	85078	64905	467539	50547	374866	76,29%	128,41%	124,72%
4	Tinh bột sắn	Tấn	2012	1656	38341	1673	43082	82,31%	98,98%	89,00%
5	Bia lon	1000 lít	754	820	6522	1632	11124	108,75%	50,25%	58,63%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1193	1195	7546	1172	7746	100,17%	101,98%	97,42%
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	849	861	5316	716	4533	101,41%	120,25%	117,27%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6735	9008	51696	7574	57262	133,75%	118,93%	90,28%
9	Dăm gỗ	Tấn	28497	35701	186010	32599	149349	125,28%	109,51%	124,55%
10	Ván ép	M3	18645	18600	124423	18060	124542	99,76%	102,99%	99,90%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	176	160	867	129	736	90,91%	124,03%	117,80%
12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	762	700	3846	690	3767	91,86%	101,45%	102,10%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	6597	4600	39803	4231	31890	69,73%	108,72%	124,81%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	220	226	1508	260	1585	102,73%	87,08%	95,17%
15	Săm xe các loại	1000 cái	518	520	3202	512	3335	100,39%	101,62%	96,02%
16	Xi măng	Tấn	22454	25100	144205	24120	179873	111,78%	104,06%	80,17%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	274	295	2080	305	1982	107,80%	96,61%	104,91%
18	Điện sản xuất	Triệu KWh	80	84	454	61	348	105,26%	137,96%	130,53%
19	Điện thương phẩm	Triệu KWh	63	64	394	56	339	101,59%	113,46%	116,08%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2/1</i>	<i>7=2/4</i>	<i>8=3/5</i>
20	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1215	1226	7950	1186	7594	100,91%	103,37%	104,69%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2343,70</b>	<b>2406,84</b>	<b>17551,95</b>	<b>2161,96</b>	<b>15871,36</b>	<b>102,69%</b>	<b>111,33%</b>	<b>110,59%</b>
	<b>Phân theo ngành kinh tế</b>	<b>Tỷ đồng</b>								
1	Ban lẻ hàng hóa	"	1977,97	2032,67	15040,63	1827,11	13626,23	102,77%	111,25%	110,38%
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"	266,76	273,47	1810,96	242,63	1612,17	102,51%	112,71%	112,33%
3	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	3,11	3,13	20,72	2,83	18,67	100,84%	110,63%	110,98%
4	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	95,86	97,57	679,64	89,38	614,28	101,79%	109,16%	110,64%



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 7 và 7 tháng năm 2019**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2019		Dự ước tháng 7/2019			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2019 so với tháng 7/2018
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>Toàn ngành</b>	<b>166,60</b>	<b>109,48</b>	<b>153,96</b>	<b>97,42</b>	<b>111,12</b>	<b>109,13</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	100,93	96,80	96,57	95,68	104,39	101,11
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	172,65	107,96	154,91	101,73	109,15	107,23
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	192,05	123,32	195,56	101,83	123,15	122,50
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	116,95	103,25	115,05	98,38	102,96	104,02